

Số: /HD- SIU

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

HƯỚNG DẪN HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG TRÌNH BÀY BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

❖ Hình thức chung

- Báo cáo được đóng bìa cứng, khổ giấy A4, số lượng 3 cuốn.
- Font chữ trình bày : **Times New Roman**, cỡ chữ: **13**, giãn dòng: **1,5 line**.
- Mỗi trang format theo cỡ **top** 3 cm, **bottom** 2 cm, **Right** 2 cm, **Left** 3 cm.

Hình thức bố trí cuốn báo cáo theo thứ tự như sau:

Trang **bìa cứng**

Trang **bìa lót**

Lời cảm ơn

Bản cam kết không đạo văn

Mục lục

Danh mục các ký hiệu, chữ viết tắt

Danh mục các bảng

Danh mục các hình ảnh

Danh mục các sơ đồ

Mở đầu (đánh số trang từ đây, từ 1-2 trang)

Nội dung ba chương: (từ 40-55 trang)

- Chương 1. (từ 10 – 15 trang).
- Chương 2. (từ 20 – 25 trang).
- Chương 3. (từ 10 – 15 trang).

Kết luận (từ 1 – 2 trang).

Tài liệu tham khảo

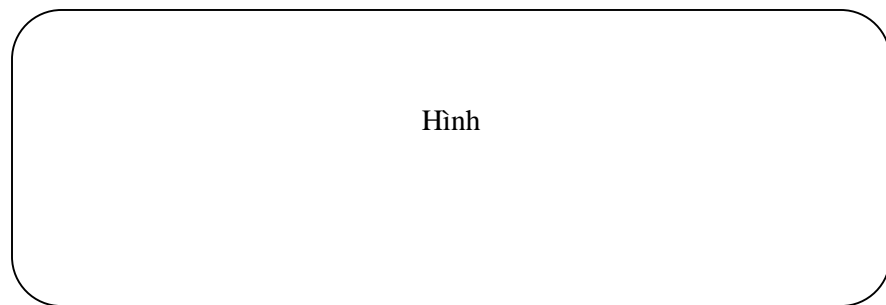
Phụ lục (nếu có)

NỘI DUNG TRÌNH BÀY BÁO CÁO

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ ĐƠN VỊ THỰC TẬP

1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị.

- Tên công ty:
- Địa chỉ:
- Ngày thành lập:
- Mã số thuế:
- Vốn điều lệ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Giám đốc:



(Nguồn:.....)

Hình 1.1: Hình ảnh hoặc Logo công ty

1.1.1 Lịch sử hình thành.

1.1.2 Quá trình phát triển.

1.1.3 Quy mô doanh nghiệp (về con người, tài sản, năng lực sản xuất, năng lực cung ứng,...)

1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh và sơ đồ tổ chức tại đơn vị thực tập.

1.2.1 Đặc điểm hoạt động sản xuất.

(Đối với đơn vị sản xuất, gia công, xây dựng...)

1.2.1.1 Những sản phẩm chính của Cơ quan/đơn vị thực tập.

1.2.1.2 Những nguyên vật liệu đầu vào của Cơ quan/đơn vị thực tập

1.2.1.3 Quy trình công nghệ của Cơ quan/đơn vị thực tập hay tại công đoạn/bộ phận thực tập

- ▲ Các công đoạn để sản xuất, gia công, xây dựng
- ▲ Mỗi công đoạn người phụ trách, vận hành, lao động cần có những chuyên môn gì?
- ▲ Năng suất lao động quy định của lao động đơn vị

1.2.1.4 Những thiết bị máy móc sử dụng trong sản xuất, đơn vị...

(Đối với đơn vị thương mại, dịch vụ, ...)

1.2.1.1 Các sản phẩm kinh doanh, dịch vụ của Cơ quan/đơn vị thực tập. ...

1.2.1.2 Những khách hàng (khách hàng của nguyên liệu đầu vào và khách hàng sản phẩm đầu ra) của Cơ quan/đơn vị thực tập.

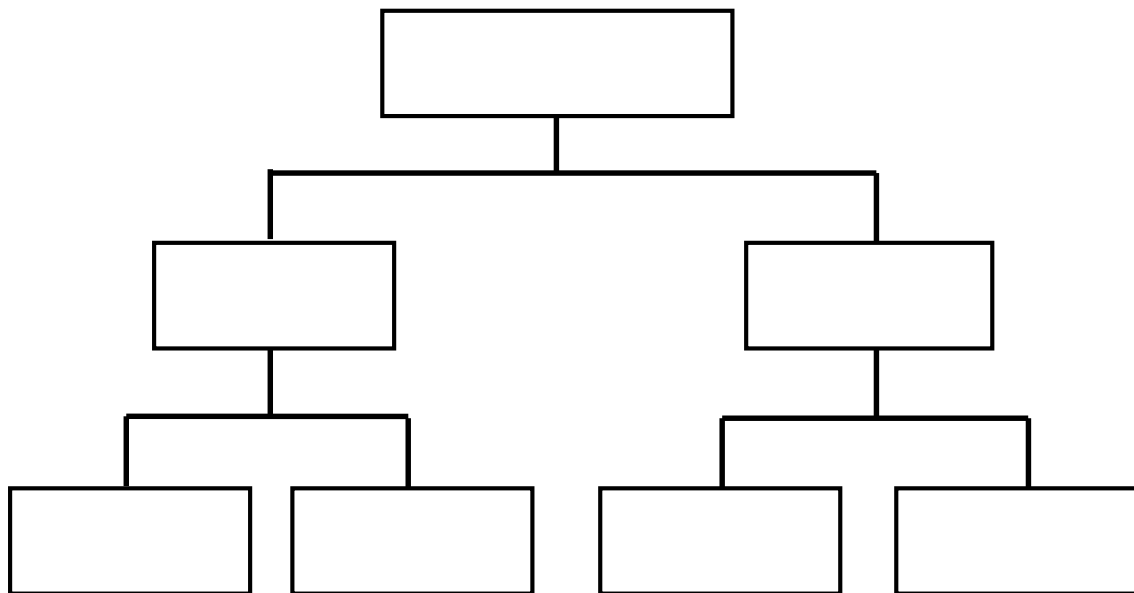
1.2.1.3 Quy trình kinh doanh của Cơ quan/đơn vị thực tập.

▲ Các công đoạn, khâu hay bộ phận kinh doanh, dịch vụ...nơi tham gia thực tập

▲ Mỗi công đoạn, bộ phận người phụ trách, lao động cần có những chuyên môn gì?

1.2.2 Sơ đồ tổ chức và chức năng nhiệm vụ của các phòng ban.

1.2.2.1 Sơ đồ tổ chức của đơn vị học viên tham gia thực tập



(Nguồn:.....)

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ tổ chức của đơn vị học viên tham gia thực tập

1.2.2.2 Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận hoặc cá nhân

1.2.3 Nội quy làm việc của đơn vị, bộ phận, công đoạn nơi học viên tham gia thực tập.

● **Đối với đơn vị sản xuất, gia công, xây dựng...**

- Công đoạn nơi học viên tham gia làm việc có những quy định về an toàn lao động, (an toàn vệ sinh, an toàn điện...tùy theo ngành nghề) trong sản xuất, gia công, quy trình xây dựng...

- Bộ phận nơi học viên tham gia làm việc có những quy định về an toàn lao động, (an toàn vệ sinh, an toàn điện...tùy theo ngành nghề) trong sản xuất, gia công, quy trình xây dựng...

- Quy định về PCCC, vệ sinh, môi trường... những quy định nào học viên biết tại đơn vị thực tập ...

- Quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn chất lượng

		(ĐVT?)	(%)	(ĐVT?)	(%)	(ĐVT?)	tăng (%)
1		(n)	(n)x100/(A)	(m)	(m)x100/(B)	(m)-(n)	[(m)-(n)] x100/(n)
2							
TỔNG		(A)	100	(B)	100	(B)-(A)	[(B)-(A)] x100/(A)

(Nguồn:)

(Vẽ biểu đồ phù hợp để minh họa)**Nhận xét:**

- Nhìn vào bảng trên ta thấy, thị trường mục tiêu của công ty...là thị trường (Tỉnh, vùng, miền). Năm 2 doanh số tại thị trường mục tiêu chiếm % tương đương? tiền tăng (giảm) so với năm 1 là % tương đương? tiền.
- Thị trường của từng tỉnh, vùng miền năm 2 tăng (giảm) so với năm 1 ? %. Vì sao?
- Chính sách (kế hoạch, định hướng, chiến lược) của công ty về thị trường như thế nào?

1.3.3. Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình kinh doanh của công ty qua 2 năm, theo bảng sau:

Bảng 1.3: Kết quả kinh doanh

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 1 (ĐVT?)	NĂM 2 (ĐVT?)	NĂM 2 SO NĂM 1	
				Giá trị (ĐVT?)	Tốc độ tăng (%)
1	Doanh thu	(A)	(B)	(B)-(A)	[(B)-(A)] x100/(A)
2	Chi phí				
3	Lợi nhuận				

(Nguồn:)

(Vẽ biểu đồ phù hợp để minh họa)**Nhận xét:**

- Nhìn vào bảng trên ta thấy, doanh thu của công ty năm 2 đạt? tiền, doanh thu năm 1 đạt? tiền. Doanh thu năm 2 so với năm 1 tăng (giảm)? % tương đương? tiền. Vì sao?
- Chi phí năm 2 so với năm 1 tăng (giảm)? % tương đương? tiền. Vì sao?
- Ta thấy tốc độ tăng doanh thu lớn (bé) hơn tốc độ tăng chi phí làm cho lợi nhuận của công ty trong năm 2 tăng (giảm)? % tương đương? tiền.
- Định hướng phát triển của công ty về doanh số, lợi nhuận trong tương lai?

CHƯƠNG 2: NỘI DUNG THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

2.1 Mô tả quy trình và công việc thực tập.

2.1.1 Quy trình công việc chung.

2.1.1.1 Quy trình công việc (chung của bộ phận - *vẽ sơ đồ quy trình công việc, các bước thực hiện công việc*).

2.1.1.2 Diễn giải quy trình (*từng bước thực hiện công việc và người phụ trách chính*)

2.1.2 Công việc tìm hiểu được về thực tế.

2.1.2.1 Tên công việc được giao.

2.1.2.2 Mô tả công việc được giao (*vẽ và diễn giải quy trình công việc của cá nhân học viên*)

2.1.2.3 Học tập được từ công việc được giao.

Học viên tìm hiểu xem những vấn đề, nghiệp vụ phát sinh trong công đoạn, bộ phận mình đang phụ trách thì được xử lý như thế nào trong chuyên môn của mình.

2.2 Tổng hợp báo cáo thu hoạch trong quá trình thực tập

2.2.1 Các văn bản đã tiếp cận khi thực tập (tối đa 3 văn bản chính)

2.2.2 Trình bày ý nghĩa (tầm quan trọng) của các văn bản này

2.2.3 Đánh giá mối liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn.

Công việc thực tế học viên được giao tại công ty cần vận dụng những kiến thức gì (*giữa lý thuyết và thực tế có sự khác biệt như thế nào?*) và kiến thức nào học viên cần phải bổ sung thêm?

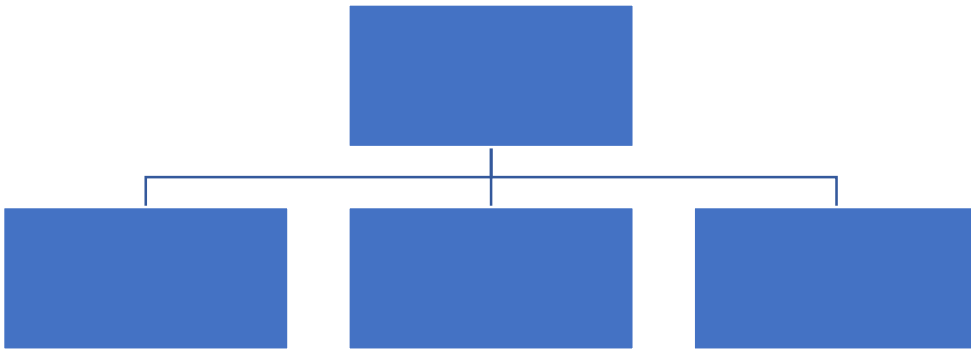
- Học những môn nào? Giúp ích gì cho công việc?
- Học những môn nào? Không giúp ích gì cho công việc?
- Nên bổ sung môn học nào vào chương trình học?

2.3 Thực trạng hoạt động tại (phòng, ban,...) nơi học viên thực tập

2.3.1 Giới thiệu chung về phòng/ban thực tập

2.3.1.1 Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban của đơn vị học viên tham gia thực tập

2.3.1.2 Sơ đồ tổ chức của phòng ban học viên tham gia thực tập



(Nguồn: Phòng.....)

Sơ đồ 2.?: Sơ đồ tổ chức của phòng ban học viên tham gia thực tập

2.3.1.3 Chức năng nhiệm vụ của các thành viên của phòng/ban học viên tham gia thực tập

2.3.2 Thực trạng hoạt động của phòng/ban (liên quan đến hoạt động riêng của phòng/ban này như: sản xuất, chất lượng, bán hàng, nhân sự,...)

2.3.3 Đánh giá chung (ưu điểm/nhược điểm)

CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

(Đây chính là những bài học tích lũy được cho bản thân và những đề xuất)

3.1 Định hướng phát triển của đơn vị thực tập

3.1.1 Định hướng phát triển của công ty

3.1.2 Định hướng phát triển của phòng/ban

3.2 Đánh giá các hoạt động thực tập

3.2.1 Đánh giá về công đoạn tham gia trong thời gian thực tập tốt nghiệp.

Công đoạn học viên tham gia làm tại công ty tốt hay chưa (*nêu ưu và nhược điểm của công việc học viên được phân công làm*)? để tốt hơn cần thay đổi gì (*đưa ra hướng giải quyết cho nhược điểm trên*)?

3.2.2 Đánh giá về nghề nghiệp bản thân.

Sau quá trình tham gia thực tập tại công ty, học viên nhận ra mình phù hợp với công việc nào và mong muốn làm việc trong lĩnh vực nào?

3.2.3 Đánh giá về mối quan hệ giữa các cá nhân, đồng nghiệp, tổ, bộ phận và đơn vị.

Nhận xét về mối quan hệ giữa các cá nhân đồng nghiệp, tổ, bộ phận và đơn vị có hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để cùng nhau hoàn thành công việc không?

3.2.4 Đánh giá về quy định chung của đơn vị.

Học viên được biết và được học về những quy định nào tại công ty (*Quy định về vệ sinh – an toàn lao động, PCCC, môi trường, chất lượng, ...*)

3.3 Giải pháp (dựa vào nhược điểm của chương 2)

3.4 Kiến nghị

3.3.1 Với cơ quan thực tập (về công việc được giao).

3.3.2 Với phòng/ban nơi thực tập

3.3.3 Với Khoa/Trường

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Tài liệu đơn vị cung cấp

[2] Tài liệu trên mạng.

[3] Tài liệu từ giáo trình

Lưu ý: Nghiêm cấm học viên có **hành động đạo văn**. Trong nội dung báo cáo tốt nghiệp nếu Khoa, TT QHDN&HTSV phát hiện sao chép từ một bài báo cáo khác mà không có trích dẫn hoặc tham chiếu thì sẽ bị đánh rớt và buộc phải đóng tiền đi thực tập lại với khóa sau.

PHỤ LỤC (Nếu có)

Phụ lục 1: Bìa chính

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (cỡ chữ 16)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ SÀI GÒN**



(size Logo 35x35mm)

HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ (cỡ chữ 16)

TÊN BÁO CÁO (cỡ chữ 18-20)

BÁO CÁO
(ghi ngành, cỡ chữ 16)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM (cỡ chữ 14)

Phụ lục 2: Bìa phụ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (cỡ chữ 16)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ SÀI GÒN

HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ (cỡ chữ 16)

TÊN BÁO CÁO (Cỡ chữ 18-20)

Ngành: (cỡ chữ 16)
Mã ngành: (cỡ chữ 16)

BÁO CÁO
(ghi ngành, cỡ chữ 16)

Người hướng dẫn khoa học:
(ghi rõ học hàm, học vị) (cỡ chữ 16)

.....

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM..... (cỡ chữ 14)

Phụ lục 3: Cách trích dẫn tài liệu tham khảo

Phụ lục III.

HƯỚNG DẪN CÁCH TRÍCH DẪN VÀ LIỆT KÊ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TRÍCH DẪN KIỂU APA (APA CITATION STYLE) – KHỐI KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Giới thiệu

APA được viết tắt từ American Psychological Association (Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ). Cách trích dẫn và liệt kê TLTK do APA đề xuất được nhiều trường đại học, các tạp chí khoa học, nhất là trong các lĩnh vực khoa học xã hội chấp nhận và áp dụng (<http://www.apastyle.org/>).

Nguyên tắc cơ bản của trích dẫn kiểu APA (hay còn gọi kiểu “tên tác giả - thời gian”) là:

- Dẫn nguồn trong nội dung văn bản (bài báo, báo cáo, sách) bằng tên tác giả và năm xuất bản, đặt trong ngoặc đơn.
- Danh mục TLTK ở cuối văn bản được xếp theo thứ tự alphabet tên tác giả.

Khi áp dụng trích dẫn kiểu APA vào bài viết tiếng Việt, vấn đề cần được quy ước thống nhất là phần TÊN TÁC GIẢ. Người nước ngoài thường dùng họ (family name) làm danh xưng nên APA quy ước TÊN TÁC GIẢ trong trích dẫn là họ của tác giả (ví dụ: họ tên đầy đủ là “Barack Obama”, tên tác giả khi trích dẫn là “Obama”). Tuy nhiên, với người Việt thì danh xưng (phân biệt người này với người khác) lại bằng tên, nên sử dụng tên làm TÊN TÁC GIẢ khi trích dẫn (ví dụ: họ tên đầy đủ là “Trần Văn Hùng”, tên tác giả khi trích dẫn là “Hùng”).

** Cũng có nơi sử dụng họ tên đầy đủ trong trích dẫn, ví dụ, “Trần Văn Hùng”. Tuy nhiên, theo cách này có một số hạn chế như không đồng bộ với tác giả người nước ngoài, làm tăng độ dài văn bản và đặc biệt không thể sử dụng công cụ hay phần mềm quản lý TLTK.*

1.2. Một số quy cách trích dẫn trong văn bản

- Trường hợp TLTK chỉ có 1 tác giả, ghi tên tác giả và năm xuất bản, dùng ngoặc đơn, ví dụ: (Tiến, 2010) hay Smith (2000).
- Trường hợp TLTK có 2 tác giả, ghi cả 2 tên tác giả với ký tự “&”, ví dụ: (Liệu & Tuấn, 2005), Smith & Brown (2000).

- Trường hợp TLTK có từ 3 tác giả trở lên, chỉ ghi tên tác giả đầu tiên kèm theo cụm từ “và nnk.” (nnk.: những người khác) (tương ứng “et al.” trong tiếng Anh), ví dụ: (Liên và nnk., 1999) hay Thông và nnk. (2001).
- Trường hợp trích dẫn một ý, một đoạn từ nhiều hơn một nguồn, các nguồn được sắp xếp theo thứ tự thời gian, ví dụ: (Smith, 1959; Thomson & Jones, 1982; Green, 1990) hay Thanh (1996, 2001) hay Ngọc (2000a, 2000b).
- Trường hợp TLTK đã được chấp nhận xuất bản nhưng chưa in, thay năm xuất bản bằng cụm từ “(đang in)”, ví dụ: Thắng và nnk. (đang in).
- Trường hợp tài liệu của một cơ quan, tổ chức (không có tác giả cá nhân), dùng tên đầy đủ hay viết tắt của cơ quan, tổ chức làm tên tác giả, ví dụ: (Bộ Công thương, 2010) hay WHO (2015).
- Trường hợp tài liệu là bài viết trên internet không có tác giả (cá nhân, tổ chức), dùng đoạn đầu tên bài (3-5 chữ) thay cho tên tác giả.
- Trường hợp trích dẫn trực tiếp nguyên văn, ghi thêm số trang vào sau năm, ví dụ: (Obama, 2014, tr.97-98).

Một số ví dụ minh họa trích dẫn trong văn bản theo APA

Theo thống kê, đầu tư của Nhật Bản vào Trung Quốc năm 2000 là 1641 dự án, với số vốn hiệp định 3,68 tỷ USD và vốn thực hiện là 2,92 tỷ USD, đến năm 2005 đã lên tới 65,3 tỷ USD và năm 2007 là 70 tỷ USD (Mỹ, 2007).

Gần đây, nhiều sensor huỳnh quang dựa trên dẫn xuất của fluorescein phát hiện cation kim loại đã được công bố (Clark và nnk., 2003; Kim và nnk., 2010; Bao và nnk., 2016). Tuy nhiên các sensor này được nghiên cứu chủ yếu bằng phương pháp thực nghiệm và dựa trên kinh nghiệm của nhà nghiên cứu (Khwanchanok và nnk., 2006; Xiong và nnk., 2013), điều này làm tăng chi phí và thời gian nghiên cứu.

Các khảo sát gần đây của Trung tâm Sản xuất sạch Việt Nam (1998, 2000) đã cho thấy tiềm năng áp dụng sản xuất sạch hơn vào các ngành công nghiệp ở nước ta rất lớn. Chẳng hạn, ngành sản xuất bia có thể tiết kiệm 60 - 75% nước, 40 - 60 % điện; ngành dệt có khả năng tiết kiệm khoảng 70% nước, 10-50 % điện; ngành giấy có thể tiết kiệm đến 70-90% nước và 20-25% điện.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy bội. Theo Hair và nnk. (1998), để có thể phân tích nhân tố khám phá cần thu thập dữ liệu với kích thước mẫu là 5 mẫu trên 1 biến quan sát. Trong khi Trọng & Ngọc (2005) cho

ràng tỷ lệ đó là 4 hay 5.

1.3. Quy cách ghi TLTK trong danh mục liệt kê

1.3.1. Quy cách ghi theo loại hình TLTK

(Mỗi loại hình có 2 mẫu cho tài liệu tiếng Việt và tiếng Anh, chú ý các dấu chấm, phẩy, khoảng trống, in nghiêng).

(1). Với sách:

Tên tác giả (các tác giả). (Năm xuất bản). *Tên sách in nghiêng*. Nơi xuất bản: Nhà xuất bản.

Author(s) of book. (Year of publication). *Title of book*. Place of publication: Publisher.

(2). Với 1 chương trong sách:

Tên tác giả (các tác giả) của chương sách. (Năm xuất bản). Tên chương. Trong Tên chủ biên (Chủ biên), *Tên sách in nghiêng* (tr. trang số). Nơi xuất bản: Nhà xuất bản.

Author(s) of chapter. (Year of publication). Title of chapter. In Editor(s) of book (Eds), *Title of book* (pp. page numbers). Place of publication: Publisher.

(3). Với bài báo trên tạp chí khoa học:

Tên tác giả (các tác giả) bài báo. (Năm xuất bản). Tên bài báo. *Tên tạp chí, tập in nghiêng*(số), trang số. DOI: xx.xxxxxxxxxx (nếu có)

Author(s) of paper. (Year of publication). Title of paper. *Journal name, Volume number – italicized*(Issue number), page number(s). DOI: xx.xxxxxxxxxx

(4). Với bài trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị:

Tên tác giả (các tác giả) bài viết. (Năm xuất bản). Tên bài viết. *Tên kỷ yếu hội thảo, nơi tổ chức, năm tổ chức in nghiêng* (tr. trang số). Nơi xuất bản: Nhà xuất bản.

Author(s) of paper. (Year of publication). Title of paper. *Title of conference's proceeding, place, year – italicized*, (pp. page numbers). Place of Publication: Publisher.

*Nếu kỷ yếu chỉ phát hành bởi Ban Tổ chức, không qua nhà xuất bản thì sẽ không có thông tin về nơi và nhà xuất bản.

(5). Với bài trên báo chí:

Tên tác giả (các tác giả). (Ngày tháng năm xuất bản). Tên bài báo. *Tên tờ báo in nghiêng*, trang số.

Author(s) of article. (Year of publication, month day). Title of article. *Title of newspaper – italicised*, page number(s).

(6). Với luận văn, luận án:

Tên tác giả. (Năm in luận văn/luận án). *Tiêu đề luận văn/luận án in nghiêng* (Luận án tiến sĩ/Luận văn thạc sĩ, Cơ sở đào tạo, Địa điểm).

Author. (Year of preparation of thesis). *Title of thesis – italicised* (Doctoral dissertation or master's thesis, Institution, Location).

(7). Với tài liệu từ internet:

Tên tác giả (các tác giả). (Năm tài liệu được tạo ra hay cập nhật). *Tên tài liệu in nghiêng*. Truy cập ngày/tháng/năm, từ <http://www.....>

Author(s) of document. (Year document created or revised). *Title of document – italicised*. Retrieved mm dd, yyyy, from <http://www.....>

**Nếu không có tác giả thì chuyển tên tài liệu lên trước thay thế tên tác giả.*

1.3.2. Cách ghi tên tác giả trong TLTK

Tên tác giả ở các dạng tài liệu được ghi theo nguyên tắc:

- Đối với người nước ngoài: họ, các chữ cái đầu của phần tên còn lại viết hoa kèm dấu chấm. Ví dụ: Vlardimir Ilyich Lenin sẽ được ghi là Lenin, V.I.
- Đối với người Việt: Tên, các chữ cái đầu của họ và tên lót viết hoa kèm dấu chấm. Ví dụ: Ngô Bảo Châu sẽ được ghi là Châu, N.B.
- Khi có 2 tác giả thì ghi cả 2 với ký tự "&"; từ 3-5 tác giả thì ghi tất cả tên tác giả với ký tự "&" trước tác giả cuối cùng; từ 6 tác giả trở lên thì chỉ ghi tên 3 tác giả đầu và tác giả cuối, ở giữa dùng dấu 3 chấm "...".

1.3.3. Xếp thứ tự danh mục TLTK

Các TLTK được xếp thứ tự theo chữ cái đầu tiên của tên tác giả (hoặc tác giả đứng đầu trong trường hợp nhiều tác giả).

Trường hợp các tác giả có tên giống nhau, xếp thứ tự theo chữ cái tiếp theo trong phần tên.

Trường hợp cùng 1 tác giả, xếp thứ tự theo thời gian (năm).

1.3.4. TLTK bằng các ngôn ngữ khác Latin

Với các TLTK bằng ngôn ngữ khác Latin (tiếng Nga, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng ẢRập,...) có thể xử lý theo 2 cách:

- Nếu không có bộ gõ tương ứng, phiên âm sang tiếng Latin, đặt phần dịch tên (sách, bài báo,...) sang tiếng Anh hay tiếng Việt trong ngoặc vuông.

Ví dụ:

Najm, Y. (1966). *Al-qissah fi al-adab Al-Arabi al-hadith* [The novel in modern Arabic literature]. Beirut: Dar AlThaqafah.

- Nếu có bộ gõ chữ tương ứng, chỉ phiên âm tên các tác giả sang tiếng Latin, đặt tên gốc trong ngoặc vuông, các thông tin xuất bản khác giữ nguyên ngôn ngữ gốc.

Ví dụ:

Lizhi, X. [谢丽芝] (2012). 汉语人体成语的认知机制研究, 硕士论文曲阜师范大学.

Ví dụ liệt kê danh mục TLTK theo APA

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2014). *Thông tư số 18/2014/TT-BNNPTNT ngày 23/6/2014 ban hành Danh mục bổ sung giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.*

Gaetke, L.M., & Chow, C.K. (2003). Copper toxicity, oxidative stress, and antioxidant nutrients. *Toxicology, 189*(1–2), 147–163. DOI: 10.1016/S0300-483X(03)00159-8.

Hương, N. T. L., & Quân, T. T. (2017). Nhận thức của du khách về hình ảnh điểm đến du lịch Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển, 126*(5D), 79–94. DOI: 10.26459/hueuni-jed.v126i5D.4555.

Liên, L.T.K., Thủy, T.T.T., Chính, Q.B., & Quyền, T.N. (2015). Đánh giá của du khách về du lịch lễ hội tổ chức tại chùa ở Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế, 109*(10), 191–202.

Liệu, P. K., & Tuấn, T. A. (2011). Tính toán mức phát thải nhà kính của chính quyền thành phố Huế bằng công cụ Bilan Carbone. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia Đất ngập nước và Biến đổi khí hậu, Hà Nội, 2011* (tr.343-356). Hà Nội: Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

Mỹ, L. V. (2007). *Ngoại giao Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa 30 năm cải cách mở cửa (1978-2008)*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.

Tamminen, T. (1990). *Eutrophication and the Baltic Sea: Studies on Phytoplankton, Bacterioplankton and Pelagic Nutrient Cycles* (PhD thesis, University of Helsinki, Finland).

Tiến, N. Q. T. (2010). Về quá trình tụ cư lập làng ở Hương Vinh. Trong Tiến, N. Q. T., & Masanari, N. (Chủ biên), *Văn hóa - lịch sử Huế qua góc nhìn làng xã phụ cận và quan hệ với bên ngoài* (tr.10 - 28). Huế: Nxb.Thuận Hóa.

Trabasso, T., & Bouchard, E. (2002). Teaching readers how to comprehend text strategically. In Block, C. C., & Pressley, M. (Eds.), *Comprehension instruction: Research-based best practices* (pp. 176–200). New York: The Guilford Press.

Trí, N. C. (2011). *Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp du lịch thành*

phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 (Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM).

Từ, D. (2015). *Nuôi tôm thẻ chân trắng trái bạt nền đáy*. Truy cập 21/7/2016, từ <http://thuysanvietnam.com.vn/nuoi-tom-the-chan-trang-trai-bat-nen-day-article-6651.tsvn>.

Water Research Centre. (1990). *Proposed Water Quality Criteria for the Protection of Aquatic Life from Intermittent Pollution*, Report PRS 2498-NM, UK.

2. TRÍCH DẪN KIỂU IEEE (IEEE CITATION STYLE) – KHÓI KỸ THUẬT

2.1. Giới thiệu

IEEE được viết tắt từ Institute for Electrical and Electronics Engineers (Viện Kỹ sư Điện và Điện tử) - một tổ chức nghề nghiệp thế giới (<https://www.ieee.org>). Kiểu trích dẫn IEEE khá phổ biến trong các lĩnh vực kỹ thuật.

Nguyên tắc cơ bản của trích dẫn kiểu IEEE (hay còn gọi kiểu “số trong ngoặc vuông”) là:

- Dẫn nguồn trong nội dung văn bản (bài báo, báo cáo, sách) bằng chữ số đặt trong dấu ngoặc vuông. Số của TLTK là thứ tự xuất hiện của tài liệu trong văn bản.
- Danh mục TLTK ở cuối văn bản được xếp theo số thứ tự của TLTK đã chú dẫn trong văn bản.

2.2. Một số quy cách trích dẫn trong văn bản

- TLTK đã trích dẫn, sau đó được trích dẫn lại thì vẫn giữ nguyên số thứ tự đã dùng ở lần đầu.
- Chữ số chú dẫn nguồn TLTK được đặt trong 2 dấu ngoặc vuông, nếu nằm ở cuối câu thì đứng trước dấu chấm câu, ví dụ: [1].
- Khi trích dẫn từ 2 TLTK trở lên, giữa các tài liệu cách nhau bằng dấu phẩy, ví dụ: [2, 10]. Với nhiều tài liệu liên tục, dùng dấu gạch ngang giữa TLTK đầu và cuối, ví dụ: [2-5].
- Trường hợp trích dẫn trực tiếp nguyên văn hoặc cần thiết chỉ rõ vị trí trích dẫn, ghi thêm số trang vào sau chữ số thứ tự, ví dụ: [4, tr.97].

Một số ví dụ minh họa trích dẫn trong văn bản theo IEEE

Theo thống kê, đầu tư của Nhật Bản vào Trung Quốc năm 2000 là 1641 dự án, với số vốn hiệp định 3,68 tỷ USD và vốn thực hiện là 2,92 tỷ USD, đến năm 2005 đã lên tới 65,3 tỷ USD và năm 2007 là 70 tỷ USD [1].

Gần đây, nhiều sensor huỳnh quang dựa trên dẫn xuất của fluorescein phát hiện cation kim

loại đã được công bố [2-4]. Tuy nhiên các sensor này được nghiên cứu chủ yếu bằng phương pháp thực nghiệm và dựa trên kinh nghiệm của nhà nghiên cứu [5], điều này làm tăng chi phí và thời gian nghiên cứu.

Các khảo sát gần đây của Trung tâm Sản xuất sạch Việt Nam [6, 9] đã cho thấy tiềm năng áp dụng sản xuất sạch hơn vào các ngành công nghiệp ở nước ta rất lớn. Chẳng hạn, ngành sản xuất bia có thể tiết kiệm 60 - 75% nước, 40 - 60 % điện; ngành dệt có khả năng tiết kiệm 70% nước, 10-50 % điện; ngành giấy có thể tiết kiệm 70-90% nước và 20-25% điện.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy bội. Theo nhóm nghiên cứu dẫn đầu bởi Hair [8], để có thể phân tích nhân tố khám phá cần thu thập dữ liệu với kích thước mẫu là 5 mẫu trên 1 biến quan sát. Trong khi đó, một nghiên cứu khác [10] thì cho rằng tỷ lệ đó là 4 hay 5.

2.3. Quy cách ghi TLTK trong danh mục liệt kê

2.3.1. Quy cách ghi theo loại hình TLTK

(Mỗi loại hình có 2 mẫu cho tài liệu tiếng Việt và tiếng Anh, chú ý các dấu chấm, phẩy, khoảng trống, ngoặc kép, in nghiêng)

(1). Với sách:

[STT] Tên tác giả (các tác giả), *Tên sách in nghiêng*, lần xuất bản (nếu không phải lần đầu).

Nơi xuất bản: Nhà xuất bản, Năm.

[No.] Author's name, *Title of book*, edition (if not first). Place of publication: Publisher, Year.

(2). Với 1 chương trong sách:

[STT] Tên tác giả (các tác giả) của chương sách, "Tên chương", trong *Tên sách in nghiêng*, lần xuất bản (nếu không phải lần đầu), Tên chủ biên, Chủ biên. Nơi xuất bản: Nhà xuất bản, Năm, trang số.

[No.] Author(s) of chapter, "Title of chapter", In *Title of book*, edition (if not first), Editor(s) of book, Ed. Place of publication: Publisher, Year, Page number(s).

(3). Với bài báo trên tạp chí khoa học:

[STT] Tên tác giả (các tác giả) bài báo, "Tên bài báo," *Tên tạp chí in nghiêng*, tập, số, trang số, năm. DOI: xx.xxxxxxxx (nếu có).

[No.] Author(s) of paper, "Title of paper," *Journal name- italicised*, volume number, issue number, page number(s), year. DOI: xx.xxxxxxxx (if available).

(4). Với bài trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị:

[STT] Tên tác giả (các tác giả) bài viết, “Tên bài viết,” trong *Tên kỷ yếu hội thảo, nơi tổ chức, thời gian tổ chức in nghiêng*, Nơi xuất bản: Nhà xuất bản, năm xuất bản, trang số.

[No.] Author(s) of paper, “Title of paper,” *Title of conference’s proceeding, palce of organization, time of organization – italicized*, Place of Publication: Publisher, year of publication, page numbers.

(5). Với bài trên báo chí:

[STT] Tên tác giả (các tác giả), “Tên bài báo,” *Tên tờ báo in nghiêng* (Ngày tháng năm xuất bản), trang số.

[No.] Author(s) of article, “Title of article,” *Title of newspaper – italicised* (Year of publication, month day), page number(s).

(6). Với luận văn, luận án:

[STT] Tên tác giả, “*Tiêu đề luận văn/luận án in nghiêng*,” Luận án tiến sĩ/Luận văn thạc sĩ, cơ sở đào tạo, địa điểm, năm in luận văn/luận án.

[No.] Author, “*Title of thesis – italicised*,” Doctoral dissertation/Master's thesis, Institution, Location, year of preparation of thesis.

(7). Với tài liệu internet:

[STT] Tên tác giả (các tác giả), “Tên tài liệu,” Thời gian tài liệu được tạo hay cập nhật. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <http://www.....> [Truy cập ngày/tháng/năm].

[No.] Author(s) of document, “Title of document,” Time document created or revised. [Online]. Availabe: <http://www.....> [Accessed mm dd yyyy].

2.3.2. Cách ghi tên tác giả trong TLTK

Tên tác giả ở các dạng tài liệu được ghi theo nguyên tắc:

- Đối với người nước ngoài: các chữ cái đầu của phần tên, tên đệm viết hoa kèm dấu chấm, họ viết đầy đủ. Ví dụ: Vladimir Ilyich Lenin sẽ được ghi là V.I. Lenin.
- Đối với người Việt: các chữ cái đầu của họ và tên đệm viết hoa kèm dấu chấm, tên viết đầy đủ. Ví dụ: Ngô Bảo Châu sẽ được ghi là N.B.Châu.
- Khi có 2 tác giả thì ghi cả 2 với từ nối “và” (hoặc “and” trong tiếng Anh); từ 3-5 tác giả thì ghi tất cả tên tác giả với từ nối “và” (hoặc “and” trong tiếng Anh) trước tác giả cuối cùng; từ 6 tác giả trở lên thì chỉ ghi tên 3 tác giả đầu và tác giả cuối, ở giữa dùng dấu 3 chấm “...”.

2.3.3. Xếp thứ tự danh mục TLTK

Các tài liệu tham khảo được xếp thứ tự tăng dần theo số thứ tự xuất hiện trong văn bản.

Nên định dạng sao cho các số thứ tự ở chế độ “hanging” (tức hàng thứ hai trở đi trong mỗi tài liệu lùi vào thẳng hàng với dòng đầu tiên).

2.3.4. TLTK bằng các ngôn ngữ khác Latin

Với các TLTK bằng ngôn ngữ khác Latin (tiếng Nga, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng ẢRập,...) có thể xử lý theo 2 cách:

- Nếu không có bộ gõ tương ứng, phiên âm sang tiếng Latin, đặt phần dịch tên (sách, bài báo,...) sang tiếng Anh hay tiếng Việt trong ngoặc vuông. Ví dụ:

[20] Y. Najm, “*Al-qissah fi al-adab Al-Arabi al-hadith* [The novel in modern Arabic literature], Beirut: Dar AlThaqafah, 1996.

- Nếu có bộ gõ chữ tương ứng, chỉ phiên âm tên các tác giả sang tiếng Latin, đặt tên gốc trong ngoặc vuông, các thông tin xuất bản khác giữ nguyên ngôn ngữ gốc. Ví dụ:

[21] X. Lizhi [谢丽芝], “汉语人体成语的认知机制研究, 硕士论文曲阜师范大学”, 2012.

Ví dụ liệt kê danh mục TLTK theo IEEE

- | |
|---|
| <p>[1]. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, <i>Thông tư số 18/2014/TT-BNNPTNT ngày 23/6/2014 ban hành Danh mục bổ sung giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam</i>, 2014.</p> <p>[2]. L. M. Gaetke and C. K. Chow, “Copper toxicity, oxidative stress, and antioxidant nutrients,” <i>Toxicology</i>, Vol. 189, No. 1–2, pp.147–163, 2003. DOI: 10.1016/S0300483X(03)00159-8.</p> <p>[3]. N. T. L Hương và T. T. Quân, “Nhận thức của du khách về hình ảnh điểm đến du lịch Huế,” <i>Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển</i>, Tập 126, Số 5D, tr. 79–94, 2017. DOI: 10.26459/hueuni-jed.v126i5D.4555.</p> <p>[4]. L.T.K. Liên, T. T. T. Thủy, Q. B. Chính và T. N. Quyền, “Đánh giá của du khách về du lịch lễ hội tổ chức tại chùa ở Thừa Thiên Huế,” <i>Tạp chí Khoa học Đại học Huế</i>, Tập 109, Số 10, tr. 191–202, 2015.</p> <p>[5]. P. K. Liệu và T. A. Tuấn, “Tính toán mức phát thải nhà kính của chính quyền thành phố Huế bằng công cụ Bilan Carbone,” trong <i>Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia</i></p> <p>[6]. <i>Đất ngập nước và Biến đổi khí hậu, Hà Nội, 2011</i>, Hà Nội: Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 2011, tr. 343-356.</p> <p>[7]. L. V. Mỹ, “<i>Ngoại giao Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa 30 năm cải cách mở cửa (1978-2008)</i>”. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội, 2007.</p> <p>[8]. T. Tamminen, “<i>Eutrophication and the Baltic Sea: Studies on Phytoplankton, Bacterioplankton and Pelagic Nutrient Cycles</i>,” PhD thesis, University of Helsinki, Finland, 1990.</p> |
|---|

- [9]. N. Q. T. Tiên, “Về quá trình tụ cư lập làng ở Hương Vinh,” trong *Văn hóa - lịch sử Huế qua góc nhìn làng xã phụ cận và quan hệ với bên ngoài*, N. Q. T. Tiên và N. Masanari, Chủ biên. Huế: Nxb. Thuận Hóa, 2010, tr.10 - 28.
- [10]. T. Trabasso and E. Bouchard, “Teaching readers how to comprehend text strategically,” in *Comprehension instruction: Research-based best practices*, C. C. Block and M. Pressley, Eds. New York: The Guilford Press, 2002, pp. 176–200.
- [11]. N. C. Trí, “*Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp du lịch thành phố*”
- [12]. *Hồ Chí Minh đến năm 2020*,” Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM, 2011.
- [13]. D. Tử, “Nuôi tôm thẻ chân trắng trải bạt nền đáy,” 2015. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <http://thuysanvietnam.com.vn/nuoi-tom-the-chan-trang-trai-bat-nen-day-article6651.tsvn>. [Truy cập 21/7/2016].
- [14]. Water Research Centre, *Proposed Water Quality Criteria for the Protection of Aquatic Life from Intermittent Pollution*. Report PRS 2498-NM, UK, 1990.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Các đơn vị;
- Lưu: PĐT, VT